

# THI TRẮC NGHIỆM TRONG ĐÁNH GIÁ, KIỂM TRA KẾT QUẢ LOGIC HỌC – GÓC NHÌN TỪ THỰC TIỄN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM THỊ MINH HẢI\*

## TÓM TẮT

*Trong bài viết này, chúng tôi trình bày những ưu điểm và hạn chế của hình thức thi trắc nghiệm, xuất phát từ thực tiễn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Logic học của sinh viên Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM); đồng thời, trên cơ sở những hạn chế đó, chúng tôi đưa ra một số giải pháp thực tiễn mang tính khắc phục để góp phần phát huy hiệu quả của hình thức thi trắc nghiệm trong thực tiễn giảng dạy và học tập môn Logic học.*

**Từ khóa:** thi trắc nghiệm, hình thức kiểm tra, kiểm tra logic học.

## ABSTRACT

*Using objective test in evaluating and assessing students' performance in Logic – a view based on reality of teaching and learning Logic in Ho Chi Minh City University of Law*

*In this article, the researcher presents advantages and disadvantages of objective test, based on the reality of testing and evaluating students' performance in Logic in Ho Chi Minh city University of Law. Based on presented disadvantages, the researcher suggests some practical solutions to enhance the effect of objective test in teaching and learning Logic.*

**Keywords:** objective test, kinds of examination, logistics test.

## 1. Dẫn nhập

Hiện nay, logic học là môn học cơ bản được “phủ sóng” khá rộng rãi ở các trường đại học. Tại Trường Đại học Luật TPHCM, logic học được xem là môn học tiên quyết, nền tảng và là môn hiếm hoi được giữ nguyên số lượng tín chỉ<sup>1</sup>. Điều đó cho thấy vai trò quan trọng của môn học này đối với sinh viên nói chung và sinh viên ngành luật nói riêng. Logic học sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy, giúp tư duy

nhanh, chính xác, lập luận chặt chẽ, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục, trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc, biết phát hiện những đúng, sai, trá trở, ngụy biện trong lập luận của người khác...

Ngoài ra, với đối tượng người học đặc thù là sinh viên ngành Luật, nội dung học và thi còn được thiết kế theo xu hướng cung cấp phương pháp và kỹ năng thực tế trong các tình huống luật, xây dựng độ nhạy cảm cần thiết trong các thao tác tư duy và nhanh chóng nhận biết những bẫy tư duy trong thực tế học tập, làm việc. Đặt trong bối cảnh nghề nghiệp tương lai của các em, đặc biệt là với

\* ThS, Trường Đại học Luật TPHCM

những người trực tiếp tham gia việc điều tra, xét xử, năng lực tư duy và năng lực chuyên môn sẽ là hai yếu tố song hành ảnh hưởng rất lớn tới sự chính xác của các quyết định có liên quan tới số phận của con người (thao tác định tội danh). Điều này đòi hỏi giảng viên không chỉ có vai trò truyền đạt những kiến thức logic thông thường mà còn là người cung cấp các kỹ năng tư duy với vai trò như là kim chỉ nam để người học tự tin sử dụng trong thực tế học tập và nghề nghiệp.

Trong quá trình giảng dạy và sử dụng hai hình thức thi trắc nghiệm và tự luận, chúng tôi hiện đang mở rộng áp dụng hình thức thi trắc nghiệm và tiến tới hạn chế dần hình thức thi tự luận. Thực tiễn giảng dạy đã ngày càng chứng minh tính đúng đắn của hình thức thi này.

## 2. Ưu điểm

### 2.1. Phạm vi rộng, nội dung bao quát

Đây là điểm mạnh của hình thức thi trắc nghiệm. Ưu điểm này thể hiện khá rõ trong môn học có cấu trúc nội dung vừa phức tạp, dàn trải lại vừa liên kết nhau như logic học. Cụ thể, giảng viên có thể đề cập trong đề thi từ kiến thức lí thuyết tới thực hành, từ các mô hình công thức tới việc giải quyết các tình huống thực tế, từ những vấn đề riêng lẻ, chuyên biệt tới những nội dung mang tính cấu trúc, khái quát. Có những câu hỏi thuần túy lí thuyết về lịch sử môn học:

*Ví dụ: Ai được coi là cha đẻ của Logic học?*

- A: Aristote                      B. Platon  
C. Socrate                        D. Hegel

Tới những vấn đề lí thuyết mà sinh viên cần phải ghi nhớ:

*Ví dụ: Kí hiệu  $A \equiv A$  là kí hiệu của luật tư duy nào?*

- A: Đồng nhất    B. Cấm mâu thuẫn  
C. Triệt tam      D. Lí do đầy đủ

Và các tình huống giả định:

*Ví dụ: Ông X, cựu bộ trưởng một Bộ nọ, sau khi bị các đại biểu Quốc hội chỉ trích rất nhiều về việc không thực hiện những điều đã cam kết, ông đã nói một câu nói như sau: “Tôi không hứa nữa, tôi xin hứa với quốc hội đây”. Ông X đã vi phạm:*

- A. Luật Cấm mâu thuẫn  
B. Luật Đồng nhất  
C. Luật lí do đầy đủ

Hình thức thi này sẽ đảm bảo cho sự “phủ sóng” toàn diện nội dung môn học. Do đó, những phần trọng tâm mà sinh viên nắm vững là điều kiện căn bản để sinh viên có được số điểm cần thiết, tuy nhiên, hiểu biết toàn diện về môn học mới là điều kiện tiên quyết để sinh viên đạt điểm tối đa. Việc sinh viên học tủ, học vẹt để đạt được số điểm cao là điều hoàn toàn không thể xảy ra.

Trong khi đó ở đề thi tự luận, do hạn chế về thời gian và đặc trưng của hình thức thi, với số lượng câu hỏi hạn chế, giảng viên khó có thể đưa vào nội dung thi tất cả các nội dung môn học, chỉ đề cập một số yếu tố mang tính chất đại diện mà trong quá trình giảng dạy, chúng tôi nhắc nhở sinh viên rằng đó là các nội dung trọng tâm để thi cử. Người ra đề cũng phải cân nhắc việc cho kiểm tra nội dung gì và bỏ qua nội dung gì.

### 2.2. Phù hợp với mục đích và yêu cầu giảng dạy

Với đặc trưng của môn học là chỉ ra đường lối và phương pháp tư duy đúng, do đó, gần như không đòi hỏi sự sáng tạo của người học – vốn rất phù hợp với hình thức thi tự luận - mà đòi hỏi sự hiểu và vận dụng linh hoạt các quy luật và hình thức tư duy sẵn có vào thực tế. Mặt khác, đối tượng học tập là sinh viên ngành Luật đòi hỏi những kiến thức logic phải được truyền đạt theo một cách thức có sự liên kết với nội dung của ngành Luật nhằm hỗ trợ cho việc tư duy trong các môn học chuyên ngành. Do đó, với cấu trúc tiêu đề nêu ra nội dung tình huống luật và các câu nhiễu là các lựa chọn, hình thức trắc nghiệm này đã tỏ ra khá hiệu quả trong việc đánh giá năng lực xử lý tình huống đa dạng của sinh viên. Chẳng hạn, để kiểm tra kiến thức và vận dụng hiểu phần luật tư duy, thay vì đi vào định nghĩa hay nội dung từng yêu cầu cụ thể, thì đề chú trọng đưa ra các tình huống.

*Ví dụ: Trước tòa bà Minh nói “Tôi đồng ý bán nhà giúp con trả nợ”. Thư kí phiên tòa ghi: “Tôi đồng ý bán nhà trả nợ giúp con”. Vậy, thư kí tòa đã vi phạm luật:*

- A. Đồng nhất B. Cấm mâu thuẫn  
C. Lí do đầy đủ D. Triệt tam

Dạng câu hỏi có tính kĩ năng này buộc sinh viên vừa phải nhớ lí thuyết – vì nếu không nhớ thì sẽ không thể xác định được luật tư duy mà nó vi phạm, vừa buộc sinh viên phải có kĩ năng “hiểu” lí thuyết để giải quyết tình huống giả định mà đề đưa ra.

Với việc đưa ra rất nhiều câu hỏi có tính kĩ năng, thu hẹp số lượng câu thuần lí thuyết trong đề thi còn giúp ngăn ngừa tình trạng học thuộc lòng, tình trạng đọc

chép đang diễn ra trong một bộ phận sinh viên. Do đó, với hình thức thi này, dù muốn hay không người học cũng buộc phải thay đổi cách học thi truyền thống và học cách tư duy độc lập, tự chủ, linh hoạt để dễ dàng ứng phó với các câu hỏi trong đề.

### **2.3. Hình thức thi mang tính nhẹ nhàng, không gây căng thẳng cho thí sinh**

Đa phần sinh viên khi được hỏi thường có cảm giác ít căng thẳng hơn khi thi trắc nghiệm. Một phần lí do mang tính tiêu cực là tâm lí hên xui may rủi dựa vào số lượng lựa chọn có sẵn. Tuy nhiên, đa phần sinh viên sau khi học xong môn học, lí do lựa chọn hình thức thi trắc nghiệm xuất phát từ tâm thế chủ động, quen thuộc vì đã được rèn luyện thường xuyên trong các buổi học trên lớp. Ngay từ buổi học đầu tiên, chúng tôi đã nêu quan điểm giảng dạy: học gì thi nấy; một số nội dung trọng tâm, phức tạp sẽ được dành nhiều thời lượng giảng dạy hơn những phần không phải trọng tâm, hoặc những phần có nội dung đơn giản mà giáo trình đã thể hiện rõ và sinh viên hoàn toàn có thể tự đọc ở nhà. Do đó, khi kết thúc môn học, sinh viên không bị ngỡ với phương pháp học, hình thức thi và nội dung câu hỏi thi.

Thực tế giảng dạy cũng chỉ ra một đặc điểm đặc trưng của sinh viên Luật khi học logic học: rất háo hức khi giảng viên đưa ra các tình huống giả định để xử lí, nhưng khá trầm lắng với những tiết học thuần túy lí thuyết. Điều đó cho thấy, việc cố nhồi nhét kiến thức lí thuyết thuần túy tại lớp sẽ không thể mang lại hiệu quả học tập cao bằng cách giảng lí

thuyết thông qua các tình huống gợi mở. Thiết kế đề thi trắc nghiệm theo phương pháp này sẽ làm giảm áp lực phải học và ghi nhớ những nội dung lí thuyết dài dòng, khô khan, có tính sách vở. Do đó, đề thi chỉ thực sự nhẹ nhàng với những đối tượng học hành nghiêm túc, hiểu bài thấu đáo và vẫn là *bức trường thành* khó có thể vượt qua với những đối tượng trông chờ sự ăn may hay học tủ, học vẹt. Xét cho cùng, mục đích của thi cử không hẳn là chuyện đánh giá điểm số nhất thời, mà là cách nhắc nhở, thúc đẩy sự độc lập và vận dụng tư duy logic đã được học vào trong thực tế chuyên môn một cách tự nhiên, gắn bó như cơm ăn, nước uống hằng ngày.

**2.4. Rút ngắn thời gian kiểm tra, gia tăng sự nhạy bén, linh hoạt trong xử lí đề**

Hiện nay, chúng tôi đang áp dụng thời lượng thi dành cho trắc nghiệm như sau: Thi giữa kì 10 câu trong 10 phút cho nội dung Tam đoạn luận; thi cuối kì 33 câu trong 50 phút cho toàn bộ nội dung đã học. Chúng tôi nhận thấy: những sinh viên tham dự đầy đủ các buổi học và làm đầy đủ các bài luyện tập sẽ làm bài xong sớm hơn thời gian quy định; những sinh viên có hiểu nhưng không tích cực luyện tập có thể không đủ thời gian; những sinh

viên còn lại thì hoàn toàn bị lúng túng giữa đáp án và các câu nhiễu nên thường có xu hướng chọn đại. Do đó, việc đưa ra thời gian tương đối hạn hẹp còn là một cách để chúng tôi kiểm tra thao tác tư duy – tức mức độ rèn luyện trong các giờ luyện tập của sinh viên đó. Đối tượng được điểm tối đa chắc chắn phải có một sự am hiểu lí thuyết và tư duy nhạy bén, linh hoạt nhất định. Đây là một kĩ năng rất cần thiết của môn logic học mà chúng tôi muốn sinh viên phải trang bị được – học để vận hành trong thực tiễn nghề nghiệp chứ không đơn thuần học để thi.

**2.5. Phân hóa được nội dung môn học và trình độ sinh viên**

Thực ra, việc phân hóa trình độ sinh viên không phải là ưu thế của thi trắc nghiệm vì bản thân thi tự luận cũng đảm nhận được chức năng này. Tuy nhiên, mức độ phân hóa trình độ trong hình thức thi trắc nghiệm được hiển thị chính xác và chi tiết hơn thông qua sự đa dạng của các câu hỏi, mức độ khó dễ trong từng câu và cách thức *quy hoạch* phạm vi của các câu hỏi đó. Chẳng hạn, với đề thi 33 câu trắc nghiệm và 6 chương bài học<sup>2</sup>, người ra đề dễ dàng phân hóa theo hướng chú trọng phân trọng tâm nhưng vẫn dàn trải đều khắp các nội dung. Chẳng hạn<sup>3</sup>:

Nội dung chương	Số lượng câu trắc nghiệm
Đại cương về Logic học	2/33
Những luật cơ bản của tư duy	8/33
Khái niệm	4/33
Phán đoán	4/33
Suy luận	10/33
Chứng minh – bác bỏ – ngụ ý biện	5/33

Ở mỗi một nhóm câu hỏi của từng chương, có thể tạo lập mức độ khó - dễ để phân hóa trình độ hiểu biết của người học. Chẳng hạn, ở nhóm suy luận, có thể xây dựng mức độ câu hỏi khó dễ như sau:

Câu hỏi thi kiểm tra suy luận đúng hay sai	Yêu cầu cần nắm
Mọi người đều phải chết. Gà không là người. Vậy gà không chết. Suy luận này: A. Đúng B. Sai do T trái dấu C. sai do M hai lần trừ D. Sai do Đ trái dấu	- Nắm vững ba quy tắc chung của Tam đoạn luận đơn
Đàn ông thống trị thế giới. Đàn bà thống trị đàn ông. Vậy đàn bà thống trị thế giới. A. Đúng B. Sai do T trái dấu C. sai do M hai lần trừ D. Sai do Đ trái dấu	- Nắm vững ba quy tắc chung của tam đoạn luận đơn. - Nhận biết được hiện tượng đánh tráo khái niệm: có hai hạn từ na ná nhau và phải được xem là hai hạn từ (thống trị thế giới và thống trị đàn ông).
Chỉ có nam giới mới là chủ thể trực tiếp của tội hiếp dâm. A là nam giới. Vậy A là chủ thể trực tiếp của tội hiếp dâm. A. Đúng B. Sai do tiểu tiền đề phủ định tiền từ C. Sai do tiểu tiền đề khẳng định hậu từ.	- Nắm vững hai quy tắc của tam đoạn luận điều kiện. - Nắm vững dạng đặc biệt của phán đoán điều kiện: Chỉ có P mới Q. Ở dạng này, phải đưa về mô hình “Nếu không P thì không Q” rồi mới xét tam đoạn luận.
Tử tù là người thành niên. Tử tù là kẻ phạm tội. Vậy, người vị thành niên không là kẻ phạm tội. A. Sai do T trái dấu B. A, C, D đều sai C. Đúng D. Sai do Đ trái dấu	- Nắm vững 3 quy tắc chung của tam đoạn luận đơn. - Nhận biết hiện tượng đánh tráo khái niệm (người thành niên và người vị thành niên) - Kỹ năng suy luận nhanh để định vị chính xác đáp án trong số các câu nhiễu (đáp án B)

Tùy theo trình độ của sinh viên và yêu cầu của giảng viên, tỉ lệ câu hỏi khó - dễ có thể được thay đổi.

### 2.6. Thuận tiện trong công tác chấm thi và phúc khảo

Chấm thi trắc nghiệm chiếm ít thời gian, độ chính xác gần như tuyệt đối, đặc biệt ở một số trường đã tự động hóa hai khâu này bằng máy móc.

### 3. Những tồn tại và cách thức khắc phục

#### 3.1. Dễ dàng sao chép, nhìn bài của nhau

Một trong những hạn chế khó tránh của thi trắc nghiệm là mặc dù sinh viên khó có thời gian quay cốp trong sách vở nhưng lại dễ có cơ hội copy bài của nhau. Đặc biệt nếu chỉ có tráo thứ tự mà vẫn

giữ nguyên nội dung câu hỏi và nội dung các lựa chọn thì tính khách quan của đánh giá sẽ bị ảnh hưởng. Trong thực tế giảng dạy, chúng tôi cũng thực hiện việc tráo thứ tự câu hỏi nhưng chỉ coi đó là biện pháp hỗ trợ. Hiện chúng tôi đang sử dụng hai biện pháp chủ đạo sau: thay đổi nội dung câu hỏi và thay đổi lựa chọn trên cơ sở đảm bảo vẫn có sự tương đồng về mức độ khó - dễ nhưng khó để nhìn bài nhau. Chẳng hạn, từ một tam đoạn

luận đơn “*Vận chuyển trái phép chất ma túy là có hành vi trái pháp luật. Ông Maxell vận chuyển trái phép chất ma túy. Vậy, chắc chắn ông Maxell có hành vi trái pháp luật*” chúng tôi tạo thành nhiều “biến thể” với nội dung khác nhau, do đó có thể hình thức các lựa chọn giống nhau ở các mã đề, nhưng lựa chọn đúng lại khác nhau, có thể câu nhiều của đề này là đáp án của đề kia và ngược lại. Cụ thể:

Cách thức biến đổi	TĐL sau khi biến đổi	Đáp án
Tam đoạn luận gốc	Vận chuyển trái phép chất ma túy là có hành vi trái pháp luật. Ông Maxell vận chuyển trái phép chất ma túy. Vậy, chắc chắn ông Maxell có hành vi trái pháp luật.	Suy luận đúng
Thêm một hạn từ (bằng cách bỏ đi từ trái phép) trong phán đoán tiền đề	Vận chuyển trái phép chất ma túy là có hành vi trái pháp luật. Ông Maxell <i>vận chuyển chất ma túy</i> . Vậy, chắc chắn ông Maxell có hành vi trái pháp luật.	Suy luận sai do có 4 hạn từ (quy tắc 1)
Đổi chất của phán đoán tiền đề	Vận chuyển trái phép chất ma túy là có hành vi trái pháp luật. Ông Maxell <i>không</i> vận chuyển trái phép chất ma túy. Vậy, chắc chắn ông Maxell không có hành vi trái pháp luật.	Suy luận sai do Đ trái dấu
Lấy kết luận của TĐL gốc làm tiền đề của TĐL mới và ngược lại	Vận chuyển trái phép chất ma túy là có hành vi trái pháp luật. Ông Maxell <i>có hành vi trái pháp luật</i> . Vậy, chắc chắn ông Maxell đã vận chuyển trái phép chất ma túy.	Suy luận sai do M hai lần mang dấu trừ

Cách tráo cấu trúc này cũng giúp hạn chế tình trạng có độ vênh khó dễ giữa các mã đề nếu chúng ta thiết kế nội dung câu hỏi hoàn toàn khác nhau giữa các mã đề ấy.

**3.2. Khó áp dụng các tình huống phức tạp vào trong bài kiểm tra**

Một đề thi quá dài sẽ kéo theo nhiều hệ lụy tiêu cực về tâm lí người làm bài, thao tác in sao đề, thời gian kiểm tra... mà các tình huống thực tế, đặc biệt

là tình huống luật luận có sự phức tạp và độ dài nhất định. Chẳng hạn ở tình huống *Phá vụ án cưỡng hiếp bảo vệ danh dự cho dòng họ Ken-no-đi* [3, tr.239] được miêu tả trong gần 4 trang giáo trình, việc đưa toàn bộ tình huống vào bài thi là việc bất khả thi. Do đó, giáo viên chỉ có thể lựa chọn những tình huống có chất ngắn gọn, tránh cho sinh viên cảm giác bị quá tải vì đề dài, đồng thời phù hợp với khuôn khổ giấy kiểm tra. Để khắc phục

hạn chế này, chúng tôi đưa những tình huống phức tạp vào trong giờ giảng nhưng tăng cường các tình huống ngắn gọn trong đề kiểm tra. Qua đó, các em làm quen với tình huống ngắn gọn trong đề nhưng đồng thời cũng có kỹ năng giải quyết các tình huống thực tế phức tạp có liên quan trong thực tế.

### 3.3. *Khó kiểm tra các kỹ năng diễn đạt và tư duy sáng tạo*

Đây là nhược điểm chung của hình thức trắc nghiệm đã được nhiều nhà nghiên cứu nhắc đến. Cụ thể hơn, một số người coi hình thức thi trắc nghiệm như một món ăn sẵn làm thui chột khả năng diễn đạt và tư duy độc lập của người học. Tuy nhiên, nhìn nhận vấn đề này đòi hỏi cái nhìn đa chiều, trong đó có chuyện bản thân môn học ấy có cần phải thể hiện tư duy sáng tạo hay không. Với logic học, câu trả lời nghiêng hẳn về không vì đây là môn rèn kỹ năng theo mô hình đúng chứ không bắt người học phải dùng cái tôi để đi tìm cái mới mẻ, cái chính kiến riêng tư. Để hỗ trợ cho sự thể hiện tư duy ấy bằng ngôn ngữ, Trường Đại học Luật TPHCM đã bắt đầu đưa vào một môn học mới là Kỹ năng nghiên cứu và lập luận – được kiểm tra dưới hình thức thi tự luận. Do đó, khoảng trống của việc tự biểu đạt tư duy trong logic học sẽ được môn học này hỗ trợ. Chúng tôi coi việc song hành của hai môn này như một li nước mà logic học là nước, còn môn Kỹ năng nghiên cứu và lập luận là cái li. Nếu thiếu cái li, chắc chắn nước sẽ không tồn tại và định hình. Ngược lại, cái li mà không có chức năng chứa đựng nước thì nó cũng trở nên vô nghĩa.

### 3.4. *Hạn hẹp về khung thời gian biểu cho việc giảng dạy*

Chỉ với 15 buổi học tương đương 30 tiết dạy và một nội dung trải dài sáu chương [3], trong đó có những chương mang tính trọng tâm với sinh viên Luật như: Những luật cơ bản của tư duy (cần thiết trong công tác tạo lập các văn bản pháp luật và xử lý các tình huống pháp luật); chương Suy luận (quan trọng trong các tư duy liên quan tới xét xử)... Với một thời lượng lên lớp không nhiều, việc trình bày toàn bộ kiến thức các chương là điều không thể, chưa kể bắt buộc phải có sự san sẻ giữa các tiết giảng lý thuyết và rèn luyện tình huống. Chúng tôi xử lý vấn đề này bằng giải pháp bắt buộc sinh viên phải có động tác đọc sách trước ở nhà. Giảng viên kiểm tra quá trình tự học này thông qua các bài tập nhỏ. Ví dụ:

- Với mỗi một luật tư duy, anh (chị) hãy đưa ra một tình huống có liên quan và lý giải sự liên quan đấy.
- Cho một phán đoán dạng A, I, E, O và xác định tính chu diên của các hạn từ trong phán đoán.
- Lấy ví dụ minh họa cho mỗi một mô hình của Tam đoạn luận (Hình I, II, III, IV) và xét tính đúng sai của chúng.

*Lưu ý:* Các tình huống, ví dụ đưa ra phải khác nhau và khác với các tình huống đã có trong giáo trình; và việc nộp bài phải được thực hiện trước buổi giảng của nội dung học có liên quan.

Để thực hiện được yêu cầu của giảng viên, sinh viên buộc phải có khâu tự nghiên cứu giáo trình trước ở nhà. Do đó, thời gian ở trên lớp không bị trải dài thành thời gian giảng dạy những gì đã có

trong sách mà là thời gian để giảng viên giảng những phần trọng tâm, đồng thời gỡ rối những vướng mắc của sinh viên và giải quyết các tình huống giả định.

### 3. Kết luận

Nhìn chung, đối với các môn học nói chung và logic học nói riêng, không có hình thức thi nào được xem là ưu việt tuyệt đối. Việc lựa chọn hình thức thi phụ thuộc rất nhiều vào đặc trưng của môn học, của đối tượng người học và quan điểm giảng dạy của mỗi người dạy. Chính vì thế, mặc dù khung chương trình đào tạo của Bộ có tính thống nhất chung nhưng gần như không có sự bắt buộc về hình thức kiểm tra. Từ thực tiễn của

Trường Đại học Luật TPHCM, thông qua những phân tích như trên, chúng tôi nhận thấy hình thức thi trắc nghiệm là hình thức ưu việt và phù hợp nhất để đo lường, đánh giá kết quả giảng dạy đối với bộ môn logic học.

Việc xác định hình thức thi này cũng đòi hỏi giảng viên và sinh viên trong quá trình học cần có sự điều chỉnh về phương pháp truyền đạt và phương pháp học tập cho phù hợp, để việc kiểm tra không chỉ mang tính đánh giá kết quả nhất thời mà còn thực sự đem lại những kết quả lâu dài, góp phần vào việc thực hành kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên trong tương lai.

<sup>1</sup> Hiện tại, chương trình dự thảo của các lớp Chất lượng cao đang được điều chỉnh theo hướng giảm số lượng tín chỉ của các môn khoa học cơ bản và một số môn chuyên ngành để mở rộng thời lượng học cho các môn ngoại ngữ như tiếng Anh, tiếng Pháp.

<sup>2</sup> Số lượng và nội dung các chương tùy thuộc vào từng giáo trình. Ở đây, chúng tôi căn cứ vào tài liệu giảng dạy chính tại Trường Đại học Luật TPHCM “Logic – Phi logic trong đời thường và pháp luật” của tác giả Lê Duy Ninh.

<sup>3</sup> Sự phân chia này có tính chất tham khảo, tùy thuộc vào yêu cầu thực tiễn của từng đối tượng người học và quan điểm của người giảng dạy.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phụng Hoàng, Võ Ngọc Lan (1997), *Phương pháp trắc nghiệm trong kiểm tra và đánh giá thành quả học tập*, Nxb Giáo dục.
2. Lê Đức Ngọc (2004), *Giáo dục đại học (Quan điểm và giải pháp)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
3. Lê Duy Ninh (2012), *Logic – phi logic trong đời thường và pháp luật*, Nxb Đại học Quốc gia TPHCM.
4. Dương Thiệu Tống (2005), *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập*, Nxb Khoa học xã hội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 24-5-2012; ngày phản biện đánh giá: 28-6-2012;  
ngày chấp nhận đăng: 29-8-2012)